

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HOÁ
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-02-2021

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thu.

2. Bà Trần Thị Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Bích Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tống Thị Thu T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: SN05, tổ 10, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ dân phố VG, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2020, bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Tống Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tống Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang ngày 04/11/2013. Sau khi kết hôn anh T chị T chung sống cùng gia đình nhà chồng tại tổ dân phố VG, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2015 thì anh T đi Hà Nội làm ăn, chị T đưa con về nhà mẹ đẻ tại số nhà 05, tổ 10, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang sinh sống. Đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, anh T không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, từ khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến năm 2017 thì anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến tháng 4 năm 2020 thì trở về nước nhưng anh T không quan tâm vợ con, không gửi tiền nuôi con cũng không về sinh sống cùng chị T. Chị T và anh T đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Hiện chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Chị T và anh T có một con chung là Nguyễn Ngọc Hà V, sinh ngày 05/6/2014. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị T không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo, triệu tập anh Nguyễn Đức T đến để giải quyết việc chị T khởi kiện ly hôn nhưng anh T đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương xác định hiện nay anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố VG, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Bích Ngọc (mẹ đẻ của anh Nguyễn Đức T), về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Tống Thị Thu T được tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới thì anh T, chị T sinh sống cùng gia đình bà Ngọc tại tổ dân phố VG, TTVL, huyện Chiêm Hóa. Cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị T sống bình thường, không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2016 thì anh T đi xuất khẩu lao động nước ngoài, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở tại thành phố Tuyên Quang để tiện sinh sống. Anh T đi làm từ năm 2016 không về nhà lần nào, tình cảm vợ chồng không được vun vén, quan tâm đến nhau. Đến năm 2020 anh T về nước nhưng anh T và chị T không cùng chung sống, chị T ở nhà bố mẹ đẻ, còn anh T lại đi làm ăn xa. Theo như bà Ngọc biết là do vợ chồng tính cách không hợp nhau nên anh T và chị T đã sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay; về con chung: Quá trình chung sống giữa anh T và chị T có 01 người con chung tên là Nguyễn Ngọc Hà V, sinh ngày 05/6/2014; hiện nay cháu V đang ở cùng chị T; về tài sản chung và nợ chung: Do mới chung sống với nhau và làm ăn kinh tế không thuận lợi nên chị T và anh T không có tài sản chung và cũng không nợ ai. Hiện nay do anh T đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng anh T có liên lạc về gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ nên gia đình không biết. Gia đình bà Ngọc có nhận

được văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết nhưng anh T không về và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Tổng Thị Thu T: Cho chị Tổng Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Hà V, sinh ngày 05/6/2014 cho chị Tổng Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung chị Tổng Thị Thu T không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Tổng Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Tổng Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức T; Chị T cung cấp địa chỉ chỗ ở hiện nay của anh T là Khu phố 2, đường Nguyễn Trục, phường Long Tâm, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Theo Công văn số 477/2020/CV-TA ngày 03/12/2020 về việc trả lời kết quả ủy thác thu thập chứng cứ thì kết quả xác minh của Công an phường Long Tâm, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, anh Nguyễn Đức T không có đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú hay lưu trú tại địa chỉ Khu phố 2, đường Nguyễn Trục, phường Long Tâm, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và không thực tế cư trú, sinh sống tại địa chỉ này. Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xác minh với Công an thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì anh Nguyễn Đức T có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố VG, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Nguyễn Đức T có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố VG, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh T thường xuyên đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh T đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh T đã thông báo cho anh T nhưng anh T vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Nguyễn Đức T vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Tổng Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tổng Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/2013 tại UBND phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh T và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, anh T không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ, con. Chị T và anh T đã ly thân từ năm 2017, cả hai không cùng chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị T, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tổng Thị Thu T, xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

[2.2] Về con chung: Chị Tổng Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hà V, sinh ngày 05/6/2014. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Qua xác minh cho thấy chị T có nghề nghiệp là nhân viên tổng đài của Công ty TNHH Vận tải công nghệ Mai Linh Tuyên Quang, có thu nhập bình quân là 4.700.000^d (bốn triệu bảy trăm nghìn đồng)/tháng; anh Nguyễn Đức T không có địa chỉ cư trú rõ ràng và hiện không có mặt tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Ngọc Hà V cho chị Tổng Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và

có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tổng Thị Thu T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Tổng Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 ; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Tổng Thị Thu T; Xử cho chị Tổng Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Hà V, sinh ngày 05/6/2014 cho chị Tổng Thị Thu T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Tổng Thị Thu T phải nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002942 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa (chị Tổng Thị Thu T đã nộp đủ tiền án phí). Anh Nguyễn Đức T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Tổng Thị Thu T và anh Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND phường TH, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Hạnh Quỳnh